

THÔNG BÁO

Định hướng nghiên cứu khoa học sinh viên năm học 2026 - 2027

Căn cứ Căn cứ Kế hoạch năm học 2026-2027, Quy định về hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên Học viện Phụ nữ Việt Nam hiện hành, Học viện thông báo Định hướng và triển khai nghiên cứu khoa học của sinh viên năm học 2026 - 2027 như sau:

1. Mục đích

- 1) Khuyến khích và tạo môi trường thuận lợi để sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học; hình thành và phát triển năng lực nghiên cứu, tư duy khoa học, tư duy phản biện, sáng tạo, khả năng tự học, làm việc độc lập và làm việc nhóm.
- 2) Gắn nghiên cứu khoa học với quá trình đào tạo và thực tiễn; giúp sinh viên vận dụng kiến thức, phương pháp và kỹ năng chuyên môn để phát hiện, phân tích và giải quyết các vấn đề thuộc ngành/lĩnh vực đào tạo.
- 3) Khuyến khích sinh viên tạo ra tri thức, giải pháp và sản phẩm có giá trị khoa học, giá trị ứng dụng; phát triển ý tưởng đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp, công bố và chuyển giao kết quả nghiên cứu.
- 4) Góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và môi trường học thuật của Học viện; phát hiện, bồi dưỡng sinh viên có năng lực nghiên cứu và lựa chọn các công trình có chất lượng để tiếp tục phát triển, công bố hoặc tham gia các giải thưởng khoa học.

2. Nguyên tắc lựa chọn đề tài khoa học sinh viên

- 1) Phù hợp với lĩnh vực khoa học của ngành/ chương trình đào tạo và định hướng nghiên cứu của Học viện.
- 2) Có vấn đề hoặc câu hỏi nghiên cứu rõ ràng, có ý nghĩa khoa học hoặc thực tiễn; tránh chỉ mô tả hiện tượng hoặc tổng hợp tài liệu đơn thuần.
- 3) Có tính mới, không trùng lặp với đề tài, công trình đã thực hiện.
- 4) Có phương pháp, dữ liệu, thời gian và nguồn lực phù hợp, khả thi với năng lực nghiên cứu của sinh viên.
- 5) Có kết quả hoặc sản phẩm cụ thể, có khả năng sử dụng hoặc phát triển tiếp; sản phẩm phù hợp với đặc thù ngành/lĩnh vực.
- 6) Bảo đảm đạo đức và liêm chính nghiên cứu; sử dụng nguồn tài liệu, dữ liệu và công cụ trí tuệ nhân tạo (AI) có trách nhiệm.
- 7) Khuyến khích nghiên cứu liên ngành và lồng ghép giới khi chọn đề tài nghiên cứu.

3. Định hướng nghiên cứu ưu tiên năm học 2026 - 2027

Các định hướng dưới đây là gợi ý để sinh viên xác định vấn đề nghiên cứu; không phải danh mục tên đề tài bắt buộc. Đề tài có thể tiếp cận liên ngành nhưng phải xác định rõ lĩnh vực khoa học chính.



3.1. Kinh tế & Kinh tế số

- 1) Kinh tế vĩ mô, tăng trưởng, chuyển dịch cơ cấu, đầu tư và phân tích chính sách kinh tế.
- 2) Kinh tế số, kinh tế nền tảng, dữ liệu và tác động của AI/ chuyển đổi số đến năng suất, việc làm và thu nhập.
- 3) Kết quả và hiệu quả doanh nghiệp, hộ kinh doanh, DNNVV, khu vực kinh tế tư nhân và hiệu quả sử dụng nguồn lực.
- 4) Kinh tế lao động, nguồn nhân lực, bất bình đẳng, giảm nghèo và phát triển bao trùm; có thể phân tích khác biệt theo giới.
- 5) Tài chính cá nhân, hành vi tài chính, đầu tư, quản trị rủi ro, Fintech, tài chính số và tài chính toàn diện.
- 6) Kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, tài chính xanh, tín dụng xanh, ESG và các công cụ kinh tế cho phát triển bền vững.

3.2. Quản trị kinh doanh & Marketing

- 1) Chiến lược, năng lực cạnh tranh, mô hình kinh doanh và chuyển đổi số của doanh nghiệp.
- 2) Quản trị nguồn nhân lực, lãnh đạo, văn hóa tổ chức, động lực, gắn kết và môi trường làm việc đa dạng, công bằng, bao trùm.
- 3) Khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, hệ sinh thái khởi nghiệp và phát triển DNNVV;
- 4) Nghiên cứu doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ.
- 5) Hành vi người tiêu dùng, trải nghiệm khách hàng, sự hài lòng, lòng trung thành của khách hàng
- 6) Marketing số, AI trong marketing, dữ liệu khách hàng, thương hiệu, KOL/KOC, truyền thông đa kênh và cá nhân hóa.
- 7) Quản trị bền vững, ESG, trách nhiệm xã hội, marketing xanh, tiêu dùng bền vững và quản trị chuỗi cung ứng.

3.3. Luật & Luật kinh tế

- 1) Pháp luật trong môi trường số: AI, dữ liệu cá nhân, giao dịch điện tử, kinh tế nền tảng, định danh số và LegalTech.
- 2) Pháp luật doanh nghiệp, đầu tư, thương mại, cạnh tranh, bảo vệ người tiêu dùng.
- 3) Pháp luật lao động, an sinh xã hội, việc làm phi truyền thống, quản lý lao động bằng thuật toán và bình đẳng giới trong việc làm.
- 4) Quyền con người, hôn nhân và gia đình, bảo vệ trẻ em, phòng chống bạo lực trên cơ sở giới và tiếp cận công lý của nhóm yếu thế.
- 5) Sở hữu trí tuệ trong bối cảnh AI, deepfake, nội dung số, game, dữ liệu huấn luyện và tài sản số.
- 6) Tội phạm mạng, chứng cứ điện tử, giải quyết tranh chấp trực tuyến và trách nhiệm pháp lý trong môi trường số.
- 7) Pháp luật về môi trường, biến đổi khí hậu, kinh tế tuần hoàn, thị trường carbon, năng lượng xanh và kinh doanh bền vững.

3.4. Truyền thông đa phương tiện

- 1) Công chúng truyền thông, hành vi tiếp nhận và tác động của nền tảng số, mạng xã hội và thuật toán.
- 2) AI tạo sinh trong sản xuất nội dung; tin giả, thông tin sai lệch, deepfake, kiểm chứng thông tin và đạo đức truyền thông.

- 3) Sáng tạo nội dung đa phương tiện: video, podcast, đồ họa, âm thanh, storytelling, transmedia và sản phẩm tương tác.
- 4) PR, truyền thông doanh nghiệp, truyền thông thương hiệu, quản trị danh tiếng và xử lý khủng hoảng truyền thông số.
- 5) Thiết kế, triển khai và đo lường hiệu quả chiến dịch truyền thông giáo dục, chính sách, cộng đồng và phát triển bền vững.
- 6) Giới trong truyền thông: hình ảnh phụ nữ, định kiến giới, bạo lực trên không gian mạng và truyền thông thúc đẩy bình đẳng giới.

3.5. Tâm lý học

- 1) Sức khỏe tinh thần, stress, lo âu, khả năng phục hồi, hạnh phúc và chất lượng cuộc sống.
- 2) Tâm lý học sinh viên, học tập, thích ứng đại học, định hướng và thích ứng nghề nghiệp.
- 3) Tâm lý học số: mạng xã hội, điện thoại thông minh, game, AI tạo sinh, niềm tin và tương tác giữa con người với AI.
- 4) Tâm lý lao động - tổ chức: động lực, gắn kết, an toàn tâm lý, lãnh đạo, hành vi và thích ứng với thay đổi công nghệ.
- 5) Tâm lý gia đình, quan hệ cha mẹ - con, quan hệ liên thế hệ, vai trò giới và cân bằng công việc - gia đình.
- 6) Đo lường tâm lý, xây dựng/kiểm định thang đo; tham vấn, hỗ trợ và thử nghiệm các chương trình can thiệp tâm lý phù hợp.

3.6. Công tác xã hội

- 1) Lý luận, đạo đức, kỹ năng và phương pháp công tác xã hội với cá nhân, nhóm, gia đình và cộng đồng.
- 2) Công tác xã hội với trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật, người nghèo và các nhóm có hoàn cảnh đặc thù.
- 3) Công tác xã hội học đường, y tế, gia đình, tư pháp và hỗ trợ tâm lý - xã hội trong các bối cảnh khác nhau.
- 4) Phòng ngừa và hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình, bạo lực trên cơ sở giới, mua bán người và xâm hại trẻ em.
- 5) An sinh xã hội, quản lý và phát triển dịch vụ xã hội, dịch vụ dựa vào cộng đồng và chuyển đổi số trong cung cấp dịch vụ.
- 6) Phát triển cộng đồng, sinh kế, đổi mới sáng tạo xã hội, ứng phó thiên tai/biến đổi khí hậu và nâng cao năng lực cho nhóm yếu thế.

3.7. Giới và Phát triển

- 1) Lý thuyết, phương pháp, cách tiếp cận nghiên cứu về giới, phụ nữ và phát triển.
- 2) Giới trong lao động, việc làm, thu nhập, lãnh đạo, khởi nghiệp và quyền năng kinh tế của phụ nữ.
- 3) Giới trong chuyển đổi số và AI: khoảng cách số, năng lực số, thiên lệch thuật toán và cơ hội nghề nghiệp.
- 4) Giới, gia đình, kinh tế chăm sóc, công việc chăm sóc không được trả công và biến đổi dân số - xã hội.
- 5) Bạo lực trên cơ sở giới, các nhóm dễ bị tổn thương và các vấn đề giới trong biến đổi khí hậu, an sinh và phát triển bền vững (SDG).



- 6) Lòng ghép giới, đánh giá tác động giới; hoạt động của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam và các chương trình/phong trào thúc đẩy sự phát triển của phụ nữ.

3.8. Quản trị dịch vụ Du lịch và Lữ hành

- 1) Hành vi, nhu cầu, trải nghiệm, sự hài lòng và lòng trung thành của khách du lịch.
- 2) Quản trị chất lượng dịch vụ, doanh nghiệp lữ hành, khách sạn, F&B và tổ chức sự kiện.
- 3) Quản trị điểm đến, thương hiệu điểm đến, dữ liệu du lịch và phát triển du lịch thông minh.
- 4) Thiết kế và đổi mới sản phẩm du lịch; du lịch văn hóa, di sản, cộng đồng, sức khỏe và các loại hình du lịch chuyên biệt.
- 5) Du lịch xanh, du lịch bền vững, giảm tác động môi trường, thích ứng biến đổi khí hậu và bảo tồn tài nguyên.
- 6) Nguồn nhân lực, khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo trong du lịch.

3.9. Công nghệ thông tin

- 1) Trí tuệ nhân tạo, học máy, học sâu, Generative AI, xử lý ngôn ngữ tự nhiên, thị giác máy tính và các ứng dụng thông minh.
- 2) Khoa học dữ liệu, cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin, khai phá dữ liệu và hệ thống hỗ trợ ra quyết định.
- 3) Phát triển phần mềm, Web/Mobile, điện toán đám mây, IoT và các nền tảng số phục vụ giáo dục, quản trị, kinh doanh và cộng đồng.
- 4) An toàn thông tin, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân, xác thực và bảo mật các hệ thống số.
- 5) Tương tác người - máy, UX/UI, khả năng tiếp cận công nghệ, công nghệ đa phương tiện, VR/AR/XR và trải nghiệm số.
- 6) Thiết kế và phát triển game, AI trong game, game analytics, gamification và serious games phục vụ giáo dục, truyền thông, kỹ năng và các vấn đề xã hội.

4. Quy trình và thời gian triển khai

STT	Tên hoạt động/công việc	Thời gian
1	Công bố định hướng NCKH sinh viên và tiếp nhận đề xuất xét chọn đề tài cấp Học viện.	Tuần đầu tháng 9/2026
2	Sinh viên nghiên cứu thông báo, quy định, chủ động đề xuất giảng viên dự kiến hướng dẫn, lập Phiếu đề xuất (Mẫu 1) và gửi khoa/ viện rà soát, tổng hợp gửi Phòng HTQT&QLKH.	Trước 20 tháng 9/2026
3	Tổ chức Hội đồng xét chọn đề xuất/ý tưởng nghiên cứu; công bố danh sách ý tưởng được lựa chọn sơ bộ.	Tuần cuối tháng 9/2026; công bố trước 30/9/2026
4	Sinh viên/ nhóm sinh viên có ý tưởng được lựa chọn sơ bộ tiến hành xây dựng, hoàn thiện thuyết minh đề cương (Mẫu 3) dưới sự hướng dẫn của giảng viên; nộp về Phòng HTQT&QLKH.	Trước ngày 15/10/2026
5	Tổ chức Hội đồng xét duyệt thuyết minh chi tiết đề tài sinh viên	Hoàn thành trước 25/10/2026
6	Sinh viên chỉnh sửa, hoàn thiện và nộp lại bản hoàn thiện; Ban hành quyết định giao đề tài và hoàn thiện thủ tục triển khai.	Hoàn thành trước 31/10/2026

STT	Tên hoạt động/công việc	Thời gian
7	Sinh viên triển khai nghiên cứu; giảng viên hướng dẫn, khoa và Phòng HTQT&QLKH theo dõi, đôn đốc tiến độ.	Cuối tháng 10/2026 - tháng 4/2027
8	Sinh viên hoàn thiện báo cáo và sản phẩm, nộp về Phòng HTQT&QLKH; Phòng kiểm tra hồ sơ, điều kiện nghiệm thu và tỷ lệ trùng lặp theo quy định.	Hoàn thành trước tuần đầu tháng 5/2027
9	Tổ chức Hội đồng nghiệm thu đề tài NCKH sinh viên cấp Học viện.	Tuần 1 - 2 tháng 5/2027
10	Sinh viên chỉnh sửa theo kết luận Hội đồng, nộp hồ sơ/sản phẩm hoàn chỉnh; tổng hợp, công nhận kết quả và lựa chọn đề tài tiêu biểu.	Hoàn thành trước 25/5/2027
11	Tổ chức Hội nghị sinh viên nghiên cứu khoa học Học viện Phụ nữ Việt Nam năm học 2026 - 2027; tổng kết và trao giải.	Hoàn thành trước 31/5/2027

Yêu cầu đối với các khoa/viện: Mỗi ngành đào tạo bảo đảm có ít nhất 02 đề xuất đề tài NCKH sinh viên cấp Học viện được lựa chọn vào bước xét duyệt đề cương. Việc xét chọn đề tài cấp Học viện căn cứ trước hết vào các nguyên tắc xét chọn, đồng thời xem xét cơ cấu hợp lý giữa các ngành học trên cơ sở chất lượng đề xuất và nguồn lực của Học viện.

5. Chính sách khuyến khích sinh viên nghiên cứu khoa học

- Mỗi đề tài NCKH sinh viên cấp Học viện được hỗ trợ khoản 3.000.000 đồng/đề tài; được chuyển vào tài khoản chủ nhiệm đề tài sau khi sinh viên/ nhóm sinh viên hoàn thành tất cả các hồ sơ, sản phẩm sau nghiệm thu.
- Sinh viên được tạo điều kiện sử dụng cơ sở vật chất, thư viện, cơ sở dữ liệu khoa học và các nguồn lực hỗ trợ nghiên cứu của Học viện theo quy định.
- Đề tài cấp Học viện nghiệm thu từ mức Đạt trở lên được lựa chọn quy đổi thành điểm của 01 học phần tự chọn tương đương 02 tín chỉ theo quy định của Học viện và được giảm 50% học phí học phần quy đổi theo quy định.
- Sinh viên được tính điểm rèn luyện; xem xét khen thưởng, học bổng, Giải thưởng NCKH sinh viên và lựa chọn tham gia các giải thưởng cấp cao hơn theo quy định.
- Sinh viên được khuyến khích, hỗ trợ công bố, giới thiệu, ứng dụng hoặc chuyển giao kết quả nghiên cứu và được công nhận quyền tác giả theo quy định.

Lưu ý: Các nội dung về điều kiện, quyền và trách nhiệm của sinh viên, người hướng dẫn; hồ sơ, biểu mẫu; xét chọn, thực hiện, nghiệm thu, công nhận, lưu trữ, công bố kết quả và các nội dung khác được thực hiện theo Quy định về hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên Học viện Phụ nữ Việt Nam và các văn bản có liên quan của Học viện.

Thông tin liên hệ: Phòng Hợp tác quốc tế và Quản lý khoa học, Học viện Phụ nữ Việt Nam (Cô Hoàng Ngọc Minh Thúy; ĐT: 0326 557 666; Email: thuyhnm@vwa.edu.vn).

Nơi nhận:

- Các Khoa, Viện quản lý CTĐT;
- P. Đào tạo, CTSV, TCKT;
- Đoàn Thanh niên;
- Lưu VT, P. HTQT&QLKH.



GIÁM ĐỐC

PGS. TS. Trần Quang Tiến

